

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Gas Đô thị

Ngày 30/06/2025	1,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q2/25
62.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 52.5 505%
YoY: ▼35.9 -36.3%

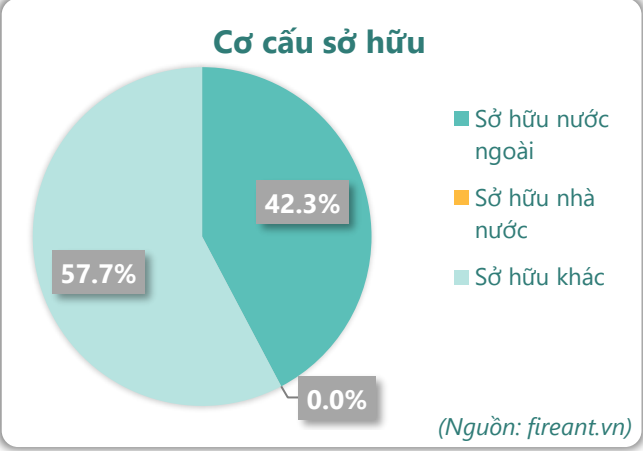
LN thuần Q2/25
-1.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.19 -396%
YoY: ▲ 1.68 53.1%

LN sau thuế Q2/25
-2.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.77 -328%
YoY: ▲ 1.60 40.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
-2.8%
YoY: +/-▼ 0.5%

ROE (TTM) Q2/25

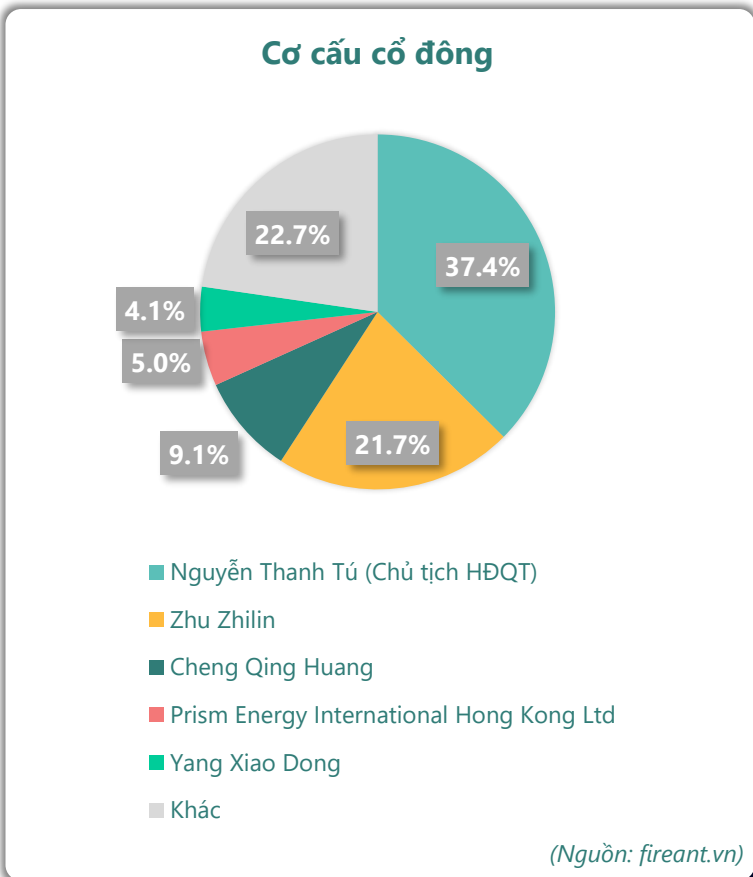
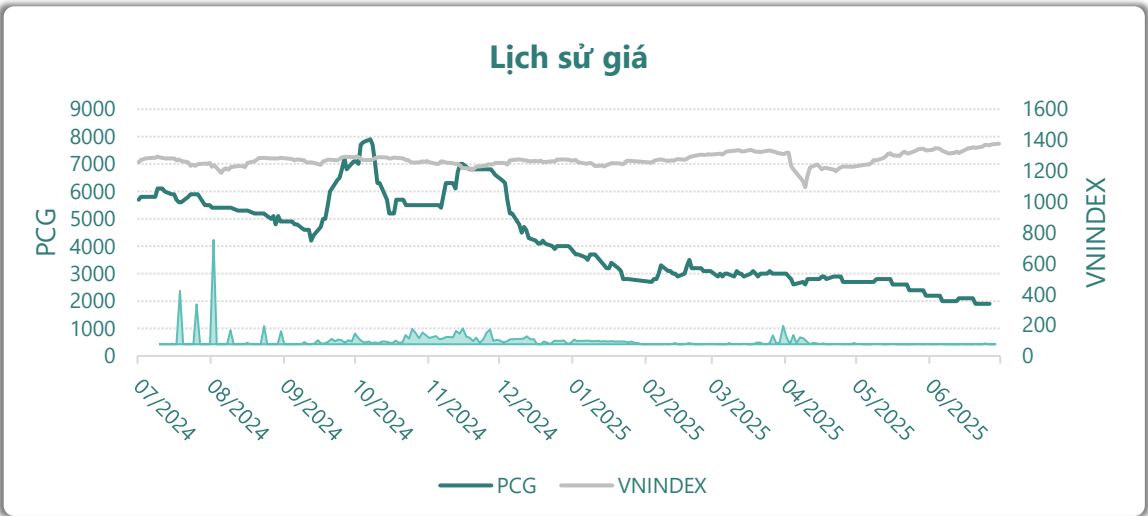
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	36
Số lượng CPLH (CP)	18,870,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	41,685
Sở hữu nước ngoài	42.3%
Beta	
EPS	
P/E	



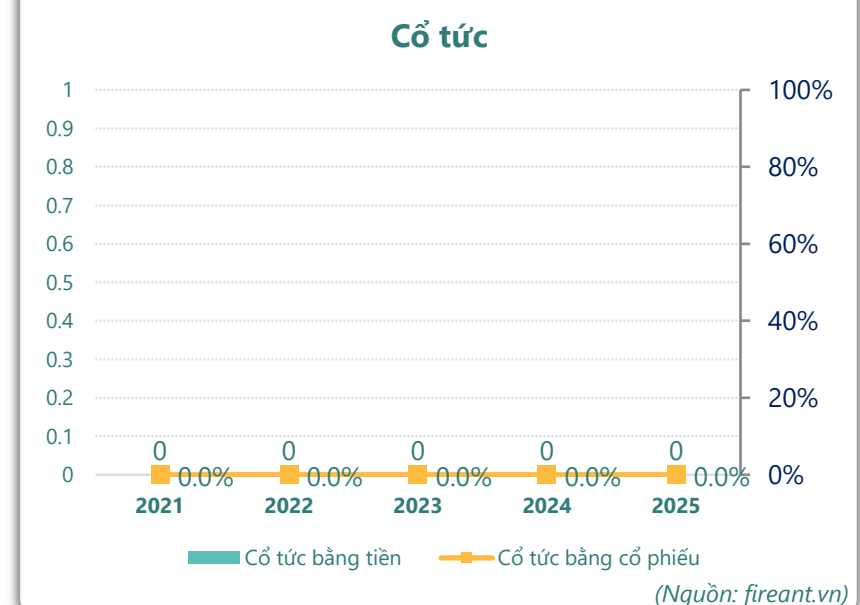
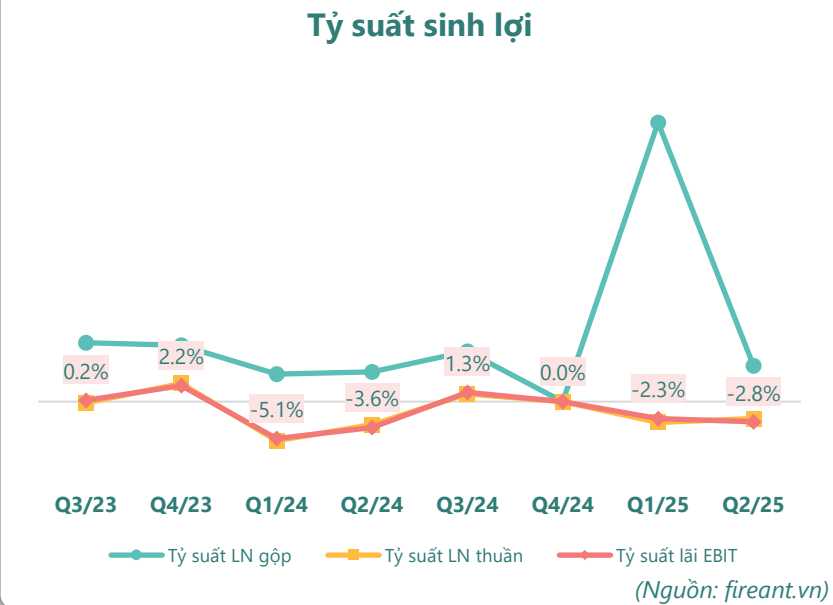
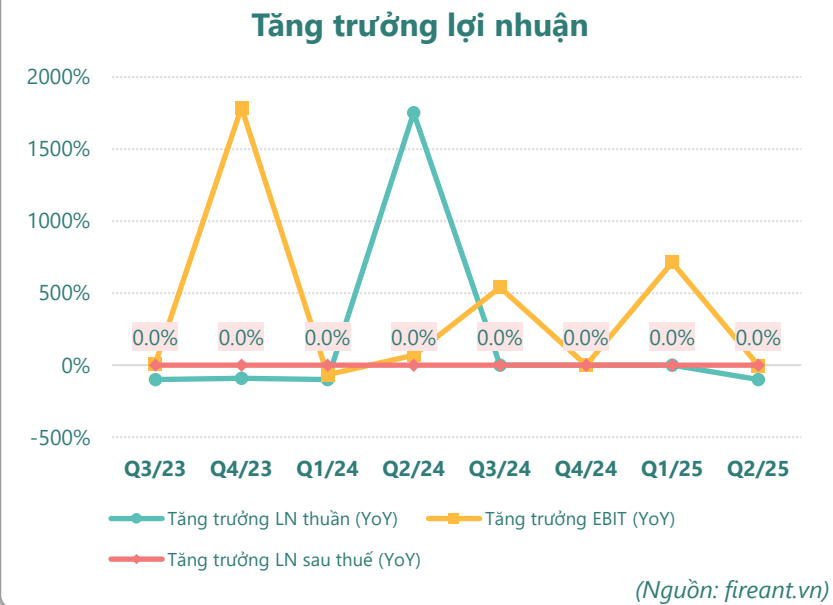
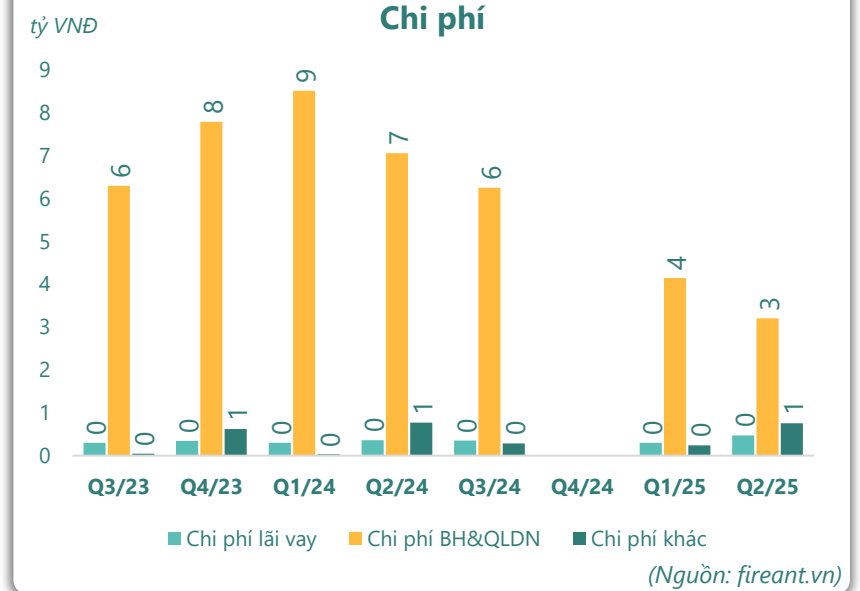
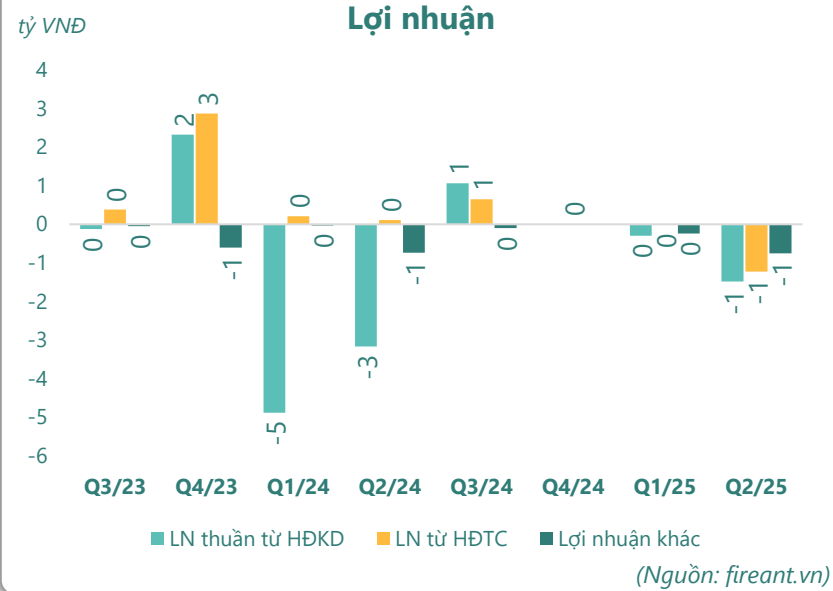
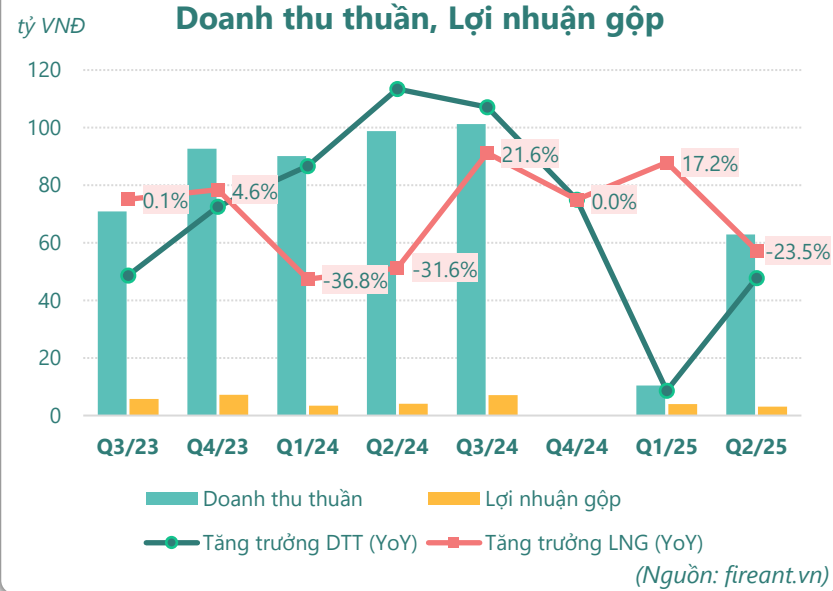
DT thuần 6T 2025
73.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼116 -61.2%

LN thuần 6T 2025
-1.79
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.26 77.8%

LN sau thuế 6T 2025
-2.86
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.96 67.6%



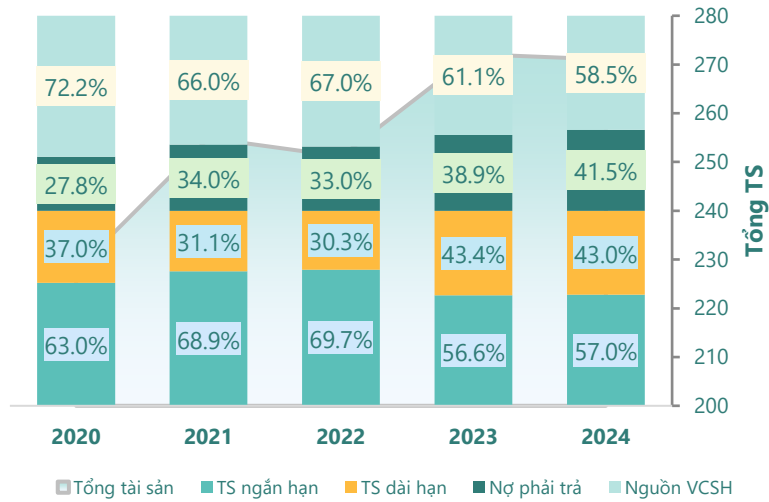
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

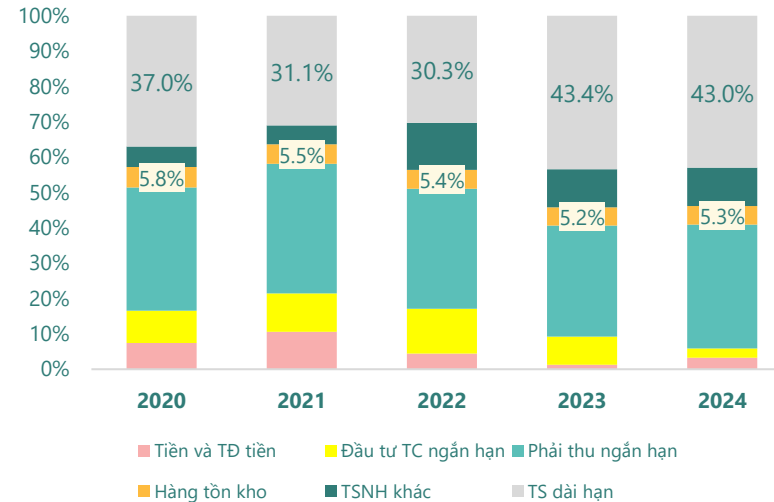
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

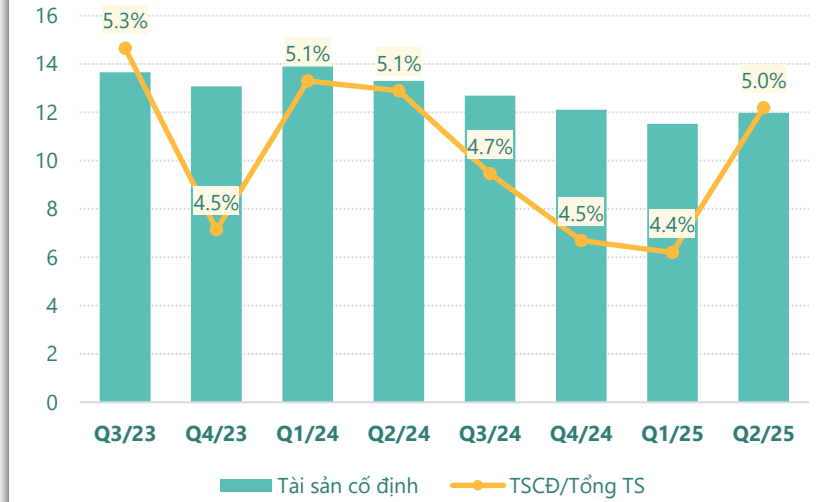
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

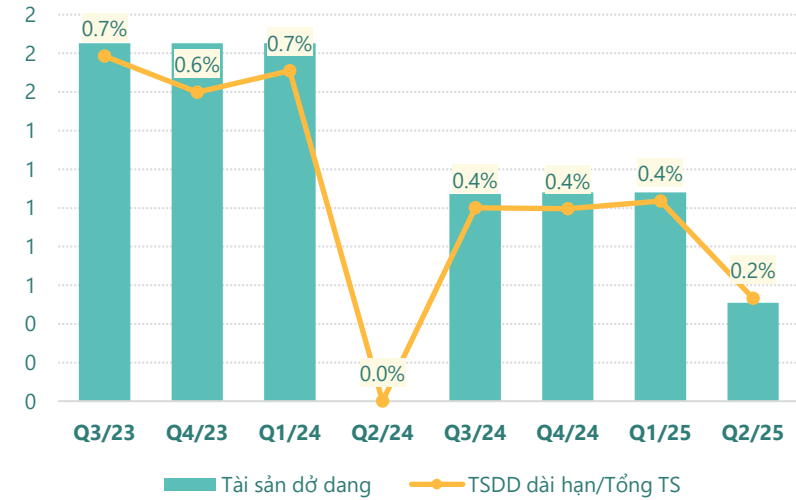
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

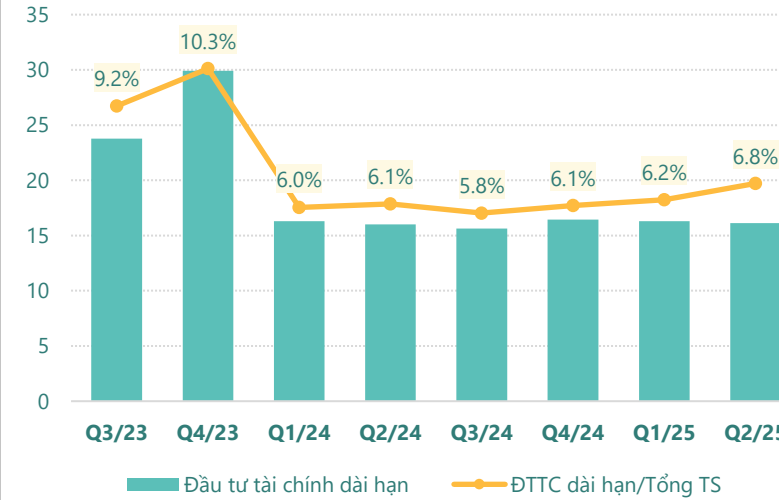
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

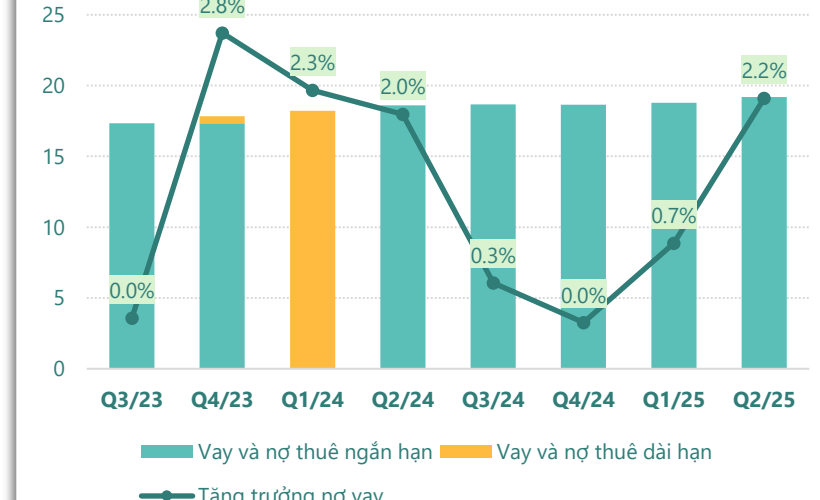
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

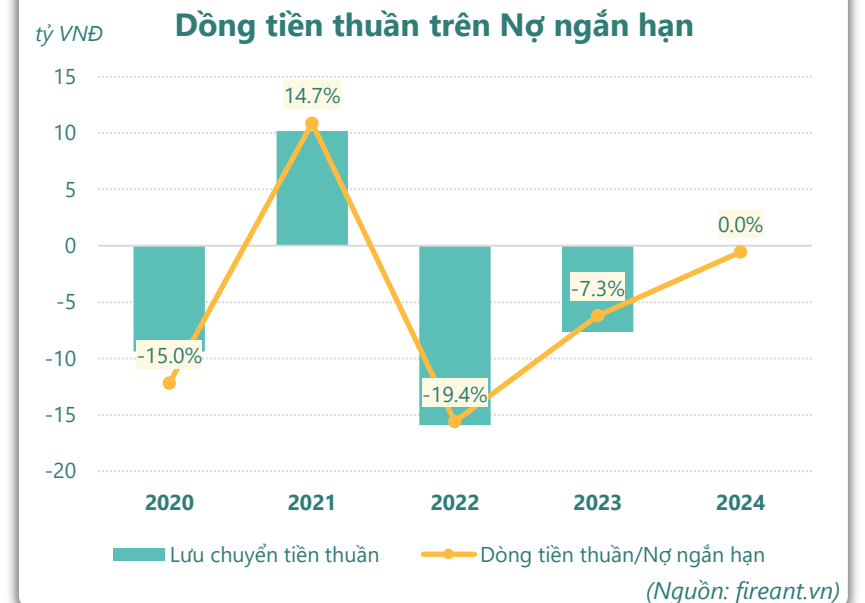
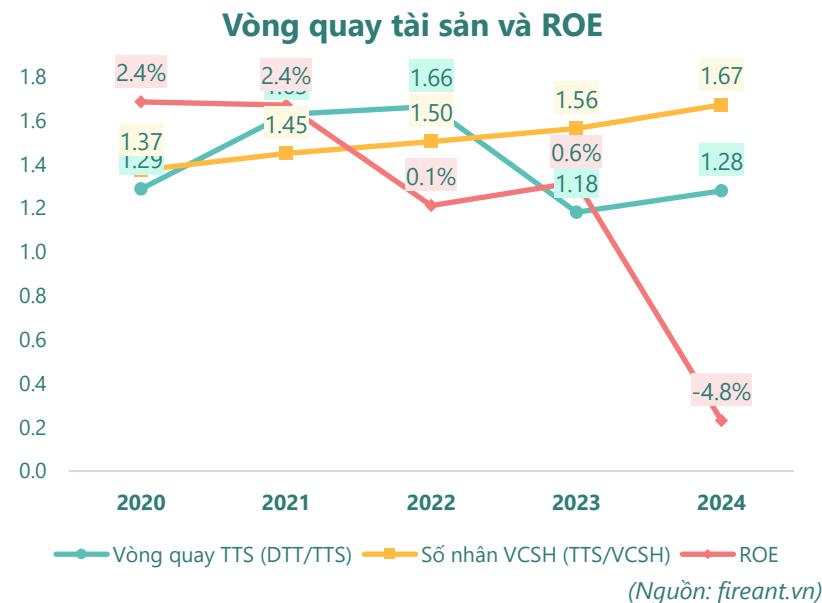
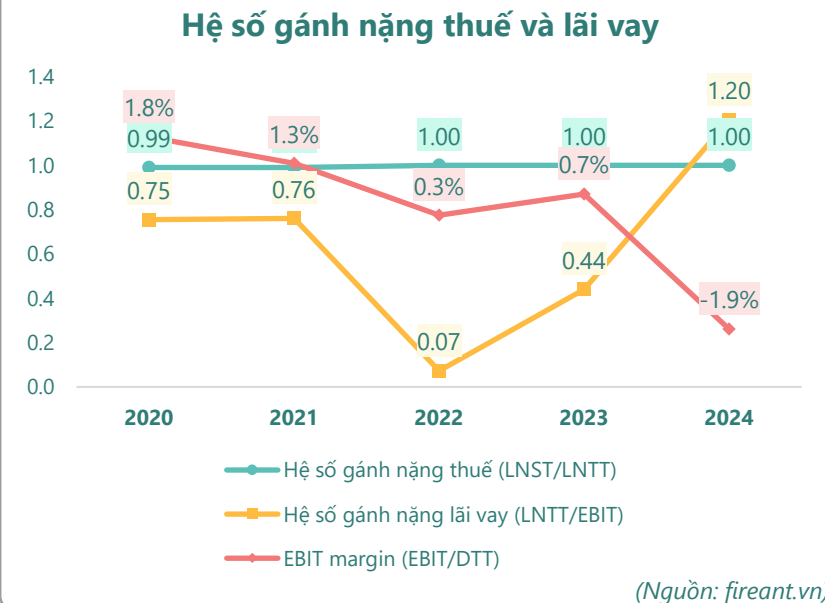
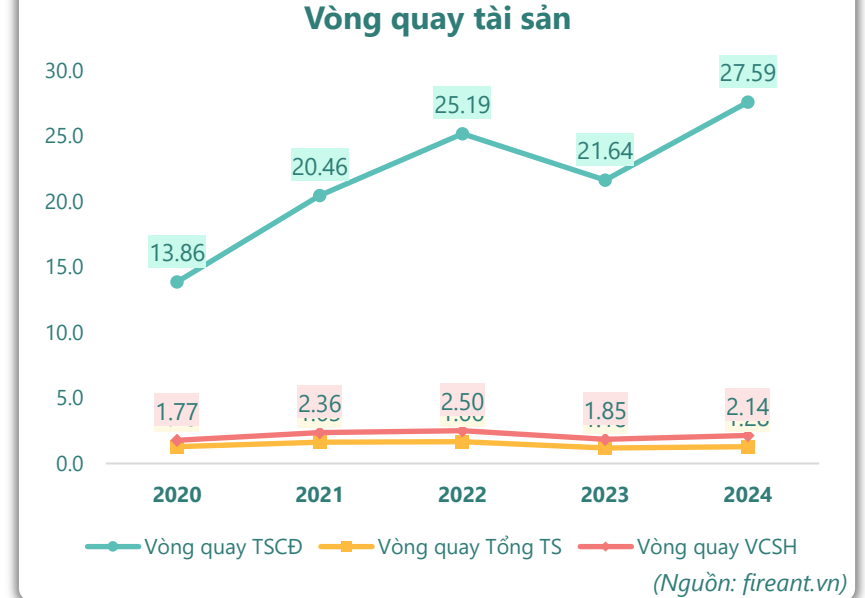
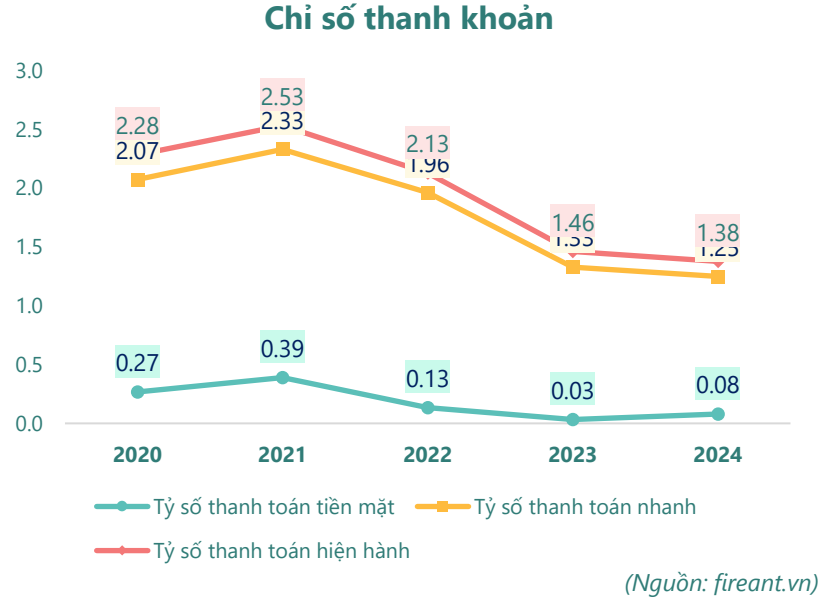
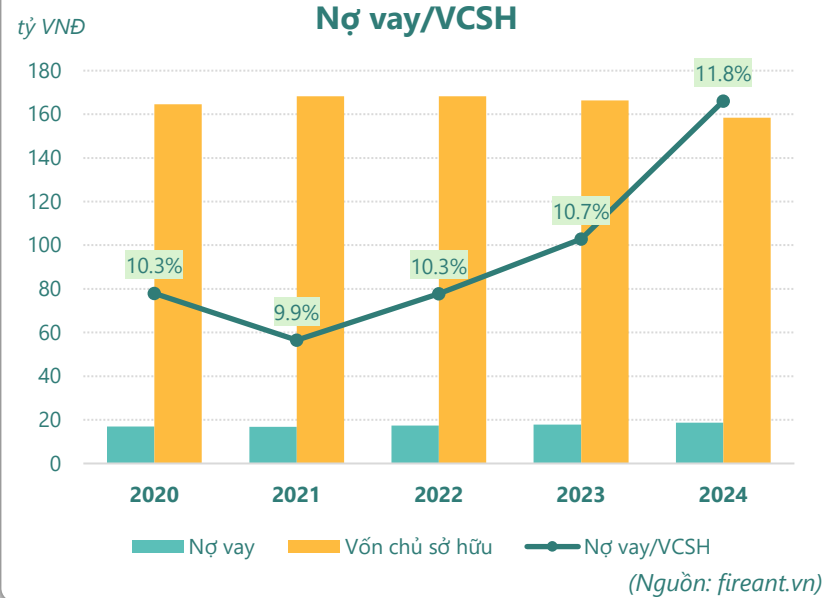
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	62.9	98.8	-36.3%	73.3	189	-61.2%
Giá vốn hàng bán	59.8	94.7	-36.8%	66.2	181	-63.5%
Lợi nhuận gộp	3.12	4.08	-23.5%	7.14	7.51	-4.9%
Doanh thu HĐTC	0.40	0.83	-52.2%	0.82	1.75	-53.2%
Chi phí TC	1.63	0.72	126%	2.06	1.43	44.3%
Chi phí lãi vay	0.47	0.36	31.3%	0.77	0.66	16.8%
LN trong công ty LKLD	-0.18	-0.30	40.2%	-0.33	-0.30	-11.9%
Chi phí bán hàng	1.58	3.35	-53.0%	3.49	6.37	-45.2%
Chi phí QLDN	1.63	3.72	-56.3%	3.86	9.21	-58.1%
LN thuần từ HĐKD	-1.49	-3.17	53.1%	-1.79	-8.05	77.8%
Lợi nhuận khác	-0.75	-0.74	-2.0%	-1.00	-0.77	-29.8%
LN trước thuế	-2.24	-3.91	42.7%	-2.79	-8.82	68.4%
Lợi nhuận sau thuế	-2.31	-3.91	40.9%	-2.86	-8.82	67.6%
LNST của CĐ cty mẹ	-2.31	-3.91	40.9%	-2.86	-8.82	67.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.27	-4.00	-10.4	0	0.13	-4.16
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.35	5.38	4.18	0	0.04	6.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.06	0	0.60	0	0	0
Tiền đầu kỳ	3.43	5.99	7.37	0	8.94	9.11
Lưu chuyển tiền thuần	2.56	1.38	-5.63	0	0.17	2.44
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	5.99	7.37	1.74	0	9.11	11.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	239	271	-12.0%
Tài sản ngắn hạn	123	154	-20.1%
Tiền và tương đương tiền	11.5	8.94	29.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.06	7.06	-99.1%
Phải thu ngắn hạn	62.6	94.8	-34.0%
Hàng tồn kho	15.6	14.3	8.7%
Tài sản ngắn hạn khác	33.6	29.3	14.7%
Tài sản dài hạn	115	117	-1.2%
Phải thu dài hạn	34.3	33.7	1.8%
Tài sản cố định	12.0	12.1	-1.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.51	1.08	-52.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	16.1	16.5	-2.0%
Tài sản dài hạn khác	52.2	53.2	-1.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	82.9	112	-26.3%
Nợ ngắn hạn	82.5	112	-26.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.2	18.7	2.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	48.1	76.8	-37.4%
Nợ dài hạn	0.35	0.38	-7.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	156	159	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	156	159	-1.8%
Vốn điều lệ	189	189	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

